

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Về việc ban hành tiêu chuẩn ngành

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 74/CP ngày 1/11/1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Công nghiệp;

Căn cứ Điều lệ về công tác Tiêu chuẩn hoá được ban hành theo Nghị định số 141/HĐBT ngày 24/8/1982 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ);

Căn cứ Nghị định số 86/CP ngày 08/12/1995 của Chính phủ quy định phân công trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hoá;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Kinh tế Kỹ thuật Dệt May tại Công văn số 03 VD/CL ngày 2/5/2002 về việc ban hành tiêu chuẩn ngành;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Công nghệ và Chất lượng sản phẩm,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay ban hành tiêu chuẩn ngành :

24TCN85 : 2002 : Sợi bông đơn chải thô - Yêu cầu kỹ thuật.

Điều 2. Vụ trưởng Vụ Quản lý Công nghệ và Chất lượng sản phẩm có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, các Vụ trưởng Vụ chức năng, Tổng giám đốc Tổng công ty Dệt-May Việt Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- VPCP (để báo cáo),
- T.cục TC-ĐL-CL,
- Trung tâm TC-CL,
- Trung tâm KT TC-ĐL-CL 1,2,3,
- Công báo,
- Mạng CNTT diện rộng của VPCP,
- Lưu VP, CNCL.

Thứ trưởng



Nguyễn Xuân Thuý

TCN

TIÊU CHUẨN NGÀNH

24 TCN

VẬT LIỆU DỆT

SỢI DỆT

SỢI BÔNG ĐƠN CHẢI THÔ - YÊU CẦU KỸ THUẬT

HÀ NỘI - 2007

LỜI NÓI ĐẦU :

24 TCN do Viện Kinh tế - Kỹ thuật Dệt - May biên soạn.

Vụ Quản lý Công nghệ và Chất lượng sản phẩm - Bộ Công nghiệp đề nghị và được Bộ Công nghiệp ban hành theo quyết định số :
....., ngày tháng năm 2002 .

VẬT LIỆU DỆT

SỢI DỆT

SỢI BÔNG ĐƠN CHẢI THÔ - YÊU CẦU KỸ THUẬT

Carded Cotton Yarns

Specifications

1. PHẠM VI ÁP DỤNG

• Tiêu chuẩn này áp dụng cho sợi bông đơn chải thô được sản xuất trên hệ kéo sợi nổi khuyên để xe sợi dệt vải may mặc và vải công nghiệp v.v...

2. YÊU CẦU KỸ THUẬT

2.1. Các chỉ tiêu cơ lý

Chất lượng sợi bông đơn chải thô theo các chỉ tiêu cơ lý được phân thành 4 cấp : cấp ưu, cấp 1, cấp 2 và cấp 3 theo qui định trong các bảng phân cấp sợi sau :

Bảng 1, 2 và 3 : Các bảng phân cấp sợi theo chỉ tiêu cơ lý dùng cho dệt thoi.

Bảng 4, 5 : Các bảng phân cấp sợi theo chỉ tiêu cơ lý dùng cho dệt kim.

- Phân cấp chỉ tiêu cơ lý: Có ít nhất 75% số chỉ tiêu đạt yêu cầu cấp đó, các chỉ tiêu còn lại không có chỉ tiêu nào xuống quá 2 cấp

2.2. Các chỉ tiêu ngoại quan

2.2.1. Chất lượng sợi bông đơn chải thô theo các chỉ tiêu ngoại quan được phân thành 4 cấp : cấp ưu, cấp 1, cấp 2 và cấp 3 theo qui định trong các bảng phân cấp sợi sau :

Bảng 6, 7 và 8 : Các bảng phân cấp sợi theo chỉ tiêu ngoại quan dùng cho dệt thoi.

Bảng 9, 10 : Các bảng phân cấp sợi theo chỉ tiêu ngoại quan dùng cho dệt kim.

2.2.2. Trường hợp cơ sở sản xuất không có máy thử độ đều Uster, nếu có sự thỏa thuận giữa các bên hữu quan, cho phép phân cấp ngoại quan sợi theo số hạt kết tạp có trong 1 gam sợi theo Phụ lục A và B của tiêu chuẩn này.

- Phân cấp chỉ tiêu ngoại quan: Có ít nhất 75% số chỉ tiêu đạt yêu cầu cấp đó, các chỉ tiêu còn lại không có chỉ tiêu nào xuống quá 2 cấp.

2.3. Phân hạng chất lượng sợi

2.3.1. Phối hợp cấp cơ lý và cấp ngoại quan, sợi được phân thành 4 hạng : hạng ưu , hạng I , hạng II và hạng III theo qui định như bảng 11.

24 TCN

2.3.2. Sợi có các chỉ tiêu cơ lý hoặc ngoại quan dưới cấp 3 là sợi không đạt tiêu chuẩn.

2.3.3. Quả sợi không được phép có các khuyết tật sau :

- Sợi lẫn chỉ số.
- Sợi quấn sai qui cách.
- Sợi không đủ chiều dài qui định.
- Quả sợi xốp không đủ mật độ cuộn.
- Sợi lấm bẩn, mốc hoặc dính dầu.
- Sai lệch khối lượng búp sợi so với khối lượng qui định vượt quá 5%.

2.3.4. Lô sợi sản xuất ra có tên gọi cụ thể loại sợi gì, số mã hiệu, ngày giao nhận chất lượng và nơi sản xuất rõ ràng.

Đơn vị bao gói lớn nhất của bao bì trong lô sợi là bao kiện, thùng sợi v.v...

3. PHƯƠNG PHÁP THỬ

Các chỉ tiêu cơ lý và ngoại quan của sợi được xác định theo các phương pháp sau :

- 1/ Điều kiện khí hậu để thử theo TCVN 1748-91.
- 2/ Lấy mẫu và mẫu thử theo TCVN 5783-94.
- 3/ Xác định độ nhỏ theo TCVN 5785-94.
- 4/ Xác định độ bền - độ giãn đứt theo TCVN 5787-94.
- 5/ Xác định độ săn sợi theo TCVN 5788-94.
- 6/ Xác định độ không đều khối lượng Uster theo TCVN 5364-91.
- 7/ Xác định khuyết tật trên máy Uster theo TCVN 5442-91.
- 8/ Xác định số hạt kết tạp/g theo TCVN 5790-94.

Bảng 1 - BẢNG PHÂN CẤP SỢI BÔNG ĐƠN CHẢI THỎ THEO CHỈ TIÊU CƠ LÝ
, DÙNG CHO DỆT THOI

Độ nhỏ danh nghĩa			Cấp cơ lý	Chỉ số sợi		Độ bền tương đối tính bằng cN/tex, không nhỏ hơn	Hệ số biến sai độ bền đứt sợi đơn (CV) tính bằng %, không hơn	Độ biến thiên khối lượng Uster (U) tính bằng %, không lớn hơn	Độ sẵn sợi	
tex	Ne	Nm		Giới hạn sai lệch chỉ số giữa qui chuẩn và danh nghĩa (ΔNe) tính bằng %	Hệ số biến sai chỉ số (CV), tính bằng %, không lớn hơn				Sai lệch độ sẵn (Δk), tính bằng %	Hệ số biến sai độ sẵn tính bằng %, không lớn hơn
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
từ 13,2 đến 16,9	từ 45 đến 35	từ 76 đến 59	ưu 1 2 3	$\pm 1,5$ $\pm 1,5$ $\pm 2,5$ $\pm 2,7$	2,0 2,2 2,5 2,8	14,2 13,7 13,2 12,7	11,0 11,5 12,0 12,5	14,5 15,0 15,5 16,0	$\pm 2,7$	3,2 3,7 4,3 5,0
từ 17,0 đến 22,4	từ 34 đến 27	từ 58 đến 45	ưu 1 2 3	$\pm 1,5$ $\pm 1,5$ $\pm 2,5$ $\pm 2,7$	2,0 2,2 2,5 2,8	14,5 14,0 13,5 13,0	11,0 11,5 12,0 12,5	13,5 14,0 14,5 15,0	$\pm 2,7$	3,2 3,7 4,3 5,0

24 TCN

Bảng 2 - BẢNG PHÂN CẤP SỢI BÔNG ĐƠN CHẢI THỎ THEO CHỈ TIÊU CƠ LÝ
DÙNG CHO DỆT THOI

Độ nhỏ danh nghĩa			Cấp cơ lý	Chỉ số sợi		Độ bền tương đối tính bằng cN/tex, không nhỏ hơn	Hệ số biến sai độ bền đứt sợi đơn (CV) tính bằng %, không hơn	Độ biến thiên khối lượng Uster (U) tính bằng %, không lớn hơn	Độ sản sợi			
tex	Nm	Ne		từ	đến				từ	đến	Sai lệch độ sản (Δk), tính bằng %	Hệ số biến sai độ sản tính bằng %, không lớn hơn
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		
từ 22,5 đến 30,7	từ 26 đến 20	từ 44 đến 33	ưu 1 2 3	± 1,5 ± 1,5 ± 2,3 ± 2,5	2,0 2,2 2,5 2,7	14,5 14,0 13,5 13,0	10,0 10,5 11,0 11,5	12,5 13,0 13,5 14,0	± 2,6	3,0 3,5 4,0 4,5		
từ 30,8 đến 44,9	từ 19 đến 14	từ 32 đến 23	ưu 1 2 3	± 1,5 ± 1,5 ± 2,3 ± 2,5	2,0 2,2 2,5 2,7	15,0 14,5 14,0 13,5	10,0 10,5 11,0 11,5	12,0 12,5 13,0 13,5	± 2,7	3,0 3,5 4,0 4,5		

24 TCN

Bảng 3 - BẢNG PHÂN CẤP SƠ BỎNG ĐƠN CHAI THỎ THEO CHỈ TIÊU CƠ LÝ

Độ nhỏ danh nghĩa		Cấp cơ lý	Chỉ số sợi		Độ bền tương đối tính bằng cN/tex, không nhỏ hơn	Hệ số biến sai độ bền đứt sợi đơn (CV) tính bằng %, không lớn hơn	Độ biến thiên khối lượng Uster (U) tính bằng %, không lớn hơn	Độ săn sợi		
tex	Ne		Giới hạn sai lệch chỉ số giữa qui chuẩn và danh nghĩa (ΔNe) tính bằng %	Hệ số biến sai chỉ số (CV), tính bằng %, không lớn hơn				Sai lệch độ săn (Δk), tính bằng %	Hệ số biến sai độ săn tính bằng %, không lớn hơn	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
từ 45,0 đến 68,9	từ 13 đến 9	từ 22 đến 15	ưu 1 2 3	$\pm 1,5$ $\pm 1,5$ $\pm 2,2$ $\pm 2,2$	1,8 2,0 2,2 2,5	15,2 14,7 14,2 13,7	11,0 11,5 12,0 12,5	11,0 11,5 12,0 12,5	$\pm 2,5$	2,8 3,3 3,8 4,3
từ 69,0 đến 125,0	từ 8 đến 5	từ 14 đến 8	ưu 1 2 3	$\pm 1,5$ $\pm 1,5$ $\pm 2,0$ $\pm 2,0$	1,8 2,0 2,2 2,5	15,5 15,0 14,5 14,0	11,0 11,5 12,0 12,5	10,5 11,0 11,5 12,0	$\pm 2,5$	2,8 3,2 3,7 4,0

24 TCN

**Bảng 4 - BẢNG PHÂN CẤP SỢI BÔNG ĐƠN CHẢI THỎ THEO CHỈ TIÊU CƠ LÝ
DÙNG CHO DỆT KIM**

Độ nhỏ danh nghĩa			Cấp cơ lý	Chỉ số sợi		Độ bền tương đối tính bằng cN/tex, không nhỏ hơn	Hệ số biến sai độ bền đứt sợi đơn (CV) tính bằng %, không lớn hơn	Độ biến thiên khối lượng Uster (U) tính bằng %, không lớn hơn	Độ sẵn sợi		Số mỗi đút * trên 500.000m không lớn hơn
tex	Nm			Giới hạn sai lệch chỉ số giữa qui chuẩn và danh nghĩa (ΔNe) tính bằng %	Hệ số biến sai chỉ số (CV) tính bằng %, không lớn hơn				Sai lệch độ sẵn (Δk), tính bằng %	Hệ số biến sai độ sẵn tính bằng %, không lớn hơn	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
từ 13,2 đến 16,9	từ 45 đến 35	từ 76 đến 59	ưu 1 2 3	± 1,2 ± 1,5 ± 2,0 ± 2,5	2,0 2,2 2,5 3,0	13,0 12,5 12,0 11,5	10,5 11,0 11,5 12,0	14,0 14,5 15,0 15,5	± 2,5	3,0 3,5 4,0 4,5	20 23 26 28
từ 17,0 đến 22,4	từ 34 đến 27	từ 58 đến 45	ưu 1 2 3	± 1,2 ± 1,5 ± 2,0 ± 2,5	2,0 2,2 2,5 3,0	13,3 12,8 12,3 11,8	10,0 10,5 11,0 11,5	13,5 14,0 14,5 15,0	± 2,5	3,5 3,5 4,0 4,5	19 22 25 27

* Số mỗi đút/500.000 mét sợi được xác định trên máy cuốn ống có tốc độ cuốn bằng 450 mét/phút và cự ly khe lọc tạp bằng 1,5 đến 2 lần đường kính sợi nguyên.

24 TCN

**Bảng 5 - BẢNG PHÂN CẤP SỢI BÔNG ĐƠN CHẢI THỎ THEO CHỈ TIÊU CƠ LÝ
DÙNG CHO DỆT KIM**

Độ nhỏ danh nghĩa			Cấp cơ lý	Chỉ số sợi		Độ bền tương đối tính bằng cN/tex, không nhỏ hơn	Hệ số biến đổi độ bền đứt sợi đơn (CV) tính bằng %, không lớn hơn	Độ biến thiên khối lượng Uster (U) tính bằng %, không lớn hơn	Độ sản sợi		Số mỗi đút * trên 500.000m không lớn hơn
tex	Ne	Nm		Giới hạn sai lệch chỉ số giữa qui chuẩn và danh nghĩa (ΔNe) tính bằng %	Hệ số biến sai chỉ số (CV) tính bằng %, không lớn hơn				Sai lệch độ sản (Δk), tính bằng %	Hệ số biến sai độ sản tính bằng %, không lớn hơn	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
từ 22,5 đến 30,7	từ 26 đến 20	từ 44 đến 33	ưu 1 2 3	± 1,0	1,7	13,5	9,5	12,5	± 2,5	2,5	18
				± 1,5	2,0	13,0	10,0	13,0		21	
				± 2,0	2,3	12,5	10,5	13,5		24	
				± 2,5	2,8	12,0	11,0	14,0		26	
từ 30,8 đến 44,9	từ 19 đến 14	từ 32 đến 23	ưu 1 2 3	± 1,0	1,7	13,0	9,0	11,5	± 2,5	2,5	17
				± 1,3	2,0	12,5	9,5	12,0		20	
				± 1,8	2,3	12,0	10,0	12,5		23	
				± 2,2	2,7	11,5	10,5	13,0		25	

* Số mỗi đút/500.000 mét sợi được xác định trên máy cuốn ống có tốc độ cuốn bằng= 450 mét/phút và cự ly khe lọc tạp bằng 1,5 đến 2 lần đường kính sợi nguyên.

Bảng 6 - BẢNG PHÂN CẤP SỢI BÔNG ĐƠN CHẢI THỎ THEO CHỈ TIÊU NGOẠI QUAN

Độ nhỏ danh nghĩa			Cấp ngoại quan	Các chỉ tiêu khuyết tật trên máy thử độ đều Uster			Độ xù lông (H) không lớn hơn
				Đoạn mỏng (-50%) trên 1000m, không lớn hơn	Đoạn dày (+50%) trên 1000m, không lớn hơn	Kết tủa (+200%) trên 1000m, không lớn hơn	
tex	Ne	Nm					
1	2	3	4	5	6	7	8
từ 13,2 đến 16,9	từ 45 đến 35	từ 76 đến 59	ưu 1 2 3	150 200 250 300	400 500 600 700	600 800 1000 1200	5,0 5,2 5,4 5,6
từ 17,0 đến 22,4	từ 34 đến 27	từ 58 đến 45	ưu 1 2 3	70 120 170 220	350 450 550 650	500 700 900 1100	4,8 5,0 5,2 5,4

Bảng 7 - Bảng phân cấp sởi bùng phát chỉ theo chỉ tiêu ngoại quan

Độ nhỏ danh nghĩa			Cấp ngoại quan	Các chỉ tiêu khuyết tật trên máy thử độ đều Uster			Độ xù lông (H) không lớn hơn
tex	Ne	Nim		Đoạn mỏng (-50%) trên 1000m, không lớn hơn	Đoạn dày (+50%) trên 1000m, không lớn hơn	Kết tập (+200%) trên 1000m, không lớn hơn	
1	2	3	4	5	6	7	8
từ 22,5 đến 30,7	từ 26 đến 20	từ 44 đến 33	ưu 1 2 3	40 90 140 190	250 350 450 550	300 450 600 750	4,6 4,8 5,0 5,2
từ 30,8 đến 44,9	từ 19 đến 14	từ 32 đến 23	ưu 1 2 3	20 70 120 160	200 300 400 500	250 400 550 700	4,4 4,6 4,8 5,0

24 TCN

**Bảng 9 - BẢNG PHÂN CẤP SỢI BÔNG ĐƠN CHẢI THỎ THEO CHỈ TIÊU NGOẠI QUAN
, DUNG CHO DỆT KIM**

Độ nhỏ danh nghĩa			Cấp ngoại quan	Các chỉ tiêu khuyết tật trên máy thử độ đều Uster			Độ xù lông (H), không lớn hơn
				Đoạn mỏng (-50%) trên 1000m, không lớn hơn	Đoạn dày (+50%) trên 1000m, không lớn hơn	Kết tạp (+200%) trên 1000m, không lớn hơn	
tex	Ne	Nm					
1	2	3	4	5	6	7	8
từ 13,2 đến 16,9	từ 45 đến 35	từ 76 đến 59	ưu 1 2 3	100 150 200 250	200 300 400 500	350 500 650 800	4,6 4,8 5,0 5,2
từ 17,0 đến 22,4	từ 34 đến 27	từ 58 đến 45	ưu 1 2 3	50 80 110 140	250 350 450 550	300 450 600 750	4,2 4,4 4,6 4,8

24 TCN

**Bảng 10 - BẢNG PHÂN CẤP SỢI BÔNG ĐƠN CHẢI THỎ THEO CHỈ TIÊU NGOẠI QUAN
, DÙNG CHO DỆT KIM**

Độ nhỏ danh nghĩa			Cấp ngoại quan	Các chỉ tiêu khuyết tật trên máy thử độ đều Uster			Độ xù lông (H), không lớn hơn
				Đoạn mỏng (-50%) trên 1000m, không lớn hơn	Đoạn dày (+50%) trên 1000m, không lớn hơn	Kết tập (+200%) trên 1000m, không lớn hơn	
tex	Ne	Nm					
1	2	3	4	5	6	7	8
từ 22,5 đến 30,7	từ 26 đến 20	từ 44 đến 33	ưu 1 2 3	20 40 60 80	150 250 350 450	200 300 400 500	4,0 4,2 4,4 4,6
từ 30,8 đến 44,9	từ 19 đến 14	từ 32 đến 23	ưu 1 2 3	5 25 45 65	100 200 300 400	150 250 350 450	3,8 4,0 4,2 4,4

**Bảng 11 - BẢNG PHÂN HẠNG SỢI KẾT HỢP GIỮA CẤP CƠ LÝ
VÀ CẤP NGOẠI QUAN**

Theo cấp ngoại quan	Theo cấp cơ lý		
	Cấp ưu	Cấp 1	Cấp 2
Cấp ưu	Hạng ưu	Hạng I	Hạng I
Cấp 1	Hạng I	Hạng I	Hạng II
Cấp 2	Hạng I	Hạng II	Hạng II
Cấp 3	Hạng II	Hạng II	Hạng III
			Thứ phẩm

PHU LUC A**BẢNG PHÂN CẤP NGOẠI QUAN SỢI BÔNG ĐƠN CHẢI THỎ
THEO SỐ HẠT KẾT TẬP TRÊN GAM SỢI DÙNG CHO DỆT THOI**

Độ nhỏ danh nghĩa			Cấp ngoại quan	Số hạt kết tập trên gam sợi, không lớn hơn
tex	Ne	Nm		
từ 13,2 đến 16,9	từ 45 đến 35	từ 76 đến 59	ưu 1 2 3	40 45 50 55
từ 17,0 đến 22,4	từ 34 đến 27	từ 58 đến 45	ưu 1 2 3	35 40 45 50
từ 22,5 đến 30,7	từ 26 đến 20	từ 44 đến 33	ưu 1 2 3	30 35 40 45
từ 30,8 đến 44,9	từ 19 đến 14	từ 32 đến 23	ưu 1 2 3	25 30 35 40
từ 45,0 đến 68,9	từ 13 đến 9	từ 22 đến 15	ưu 1 2 3	20 25 30 35
từ 69,0 đến 125,0	từ 8 đến 5	từ 14 đến 8	ưu 1 2 3	10 15 20 25

PHỤ LỤC B**BẢNG PHÂN CẤP NGOẠI QUAN SỢI BÔNG ĐƠN CHẢI THÔ
THEO SỐ HẠT KẾT TẬP TRÊN GAM SỢI DÙNG CHO DỆT KIM**

Độ nhỏ danh nghĩa			Cấp ngoại quan	Số hạt kết tập trên gam sợi, không lớn hơn
tex	Ne	Nm		
từ 13,2 đến 16,9	từ 45 đến 35	từ 76 đến 59	Ư 1 2 3	30 35 40 45
từ 17,0 đến 22,4	từ 34 đến 27	từ 58 đến 45	Ư 1 2 3	25 30 35 40
từ 22,5 đến 30,7	từ 26 đến 20	từ 44 đến 33	Ư 1 2 3	20 25 30 35
từ 30,8 đến 44,9	từ 19 đến 14	từ 32 đến 23	Ư 1 2 3	10 15 20 25